

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2023 - 2024

(Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDDT ngày
03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Trung học phổ thông Hàn Thuyên.

2. Địa chỉ: số 37 – Đặng Văn Ngữ – Phường 10 – Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.28) 3.991.6280

Email: thpthanhuyen.tphcm@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: thpthanhuyen.hcm.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: trường công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

4.1. Sứ mạng: xây dựng trường học tiên tiến, hiện đại; chất lượng giáo dục và hiệu suất đào tạo cao. Đào tạo học sinh biết làm người tốt, biết xây dựng cho bản thân có cuộc sống tốt, có kiến thức về văn hóa, sức khỏe, nhân cách và kỹ năng, có đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện định hướng nghề nghiệp và khát vọng khởi nghiệp trong tương lai.

4.2. Tầm nhìn: Trường THPT Hàn Thuyên phấn đấu trở thành một trong những trường tiên tiến của thành phố, góp phần tạo nguồn nhân lực cho các trường đại học và nguồn nhân lực cho đất nước, là nơi học sinh được phát huy năng lực và phẩm chất, được chấp cánh cho những ước mơ.

4.3. Mục tiêu: Nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện của học sinh, đặc biệt là nâng cao tỉ lệ học sinh đậu các kì thi CD, DH nhằm thu hút HS đăng kí học tập tại trường. Đào tạo thể hệ học sinh có năng lực và phẩm chất tốt, làm người công dân có ích cho xã hội, có đầy đủ năng lực để thích ứng với đô thị thông minh và quá trình hội nhập quốc tế.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường Trung học phổ thông Hàn Thuyên được thành lập năm 1989. Với sự nỗ lực của tập thể quản lý, giáo viên và nhân viên, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT và đậu đại học hàng năm đã tăng cao và ổn định qua các năm và những năm gần đây, đã vượt trên tỷ lệ chung của thành phố, góp phần tích cực vào hiệu quả giảng dạy bậc Trung học phổ thông của Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Trần Ngọc Minh – chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: số 37 – Đặng Văn Ngữ – Phường 10 – Quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.28) 3.991.6280 -line 125

Email: tranngoem05@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Trường Trung học phổ thông Hàn Thuyên được thành lập theo Quyết định số 728/QĐ-UB ngày 28 tháng 11 năm 1989 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 2791/QĐ-SGDDT ngày 21/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo gồm các thành viên sau đây:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong hội đồng trường
1	Trần Ngọc Minh	Bí Thư Chỉ bộ, Hiệu trưởng	Thành viên
2	Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó hiệu trưởng	Thành viên
3	Lê Thị Thanh Vân	Phó hiệu trưởng	Thành viên
4	Đặng Thị Thanh Mai	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
5	Trần Ngọc Châu	Tổ trưởng Tổ GDQP	Thành viên
6	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	Trợ lý thanh niên	Thành viên
7	Võ Tiến Thi	Tổ trưởng Tổ Hóa học	Thành viên
8	Bùi Thị Ngọc Minh	Tổ trưởng Tổ Tiếng Anh	Thành viên
9	Kiều Thị Sinh	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Thành viên

10	Bùi Mai Thanh Tuyền	Quản ủy viên, Chủ tịch Hội LHPN Phú Nhuận	Thành viên
11	Lê Quỳnh Thảo Duyên	Bí thư đoàn trường	Thành viên

- Hiệu trưởng được công nhận theo Quyết định số 2177/QĐ-SGDDT ngày 24/7/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo; các Phó Hiệu trưởng được công nhận theo Quyết định số 3966/QĐ-SGDDT ngày 05/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 144/QĐ-SGDDT ngày 12/01/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Hàn Thuyên được công nhận theo Quyết định số 1825/QĐ-SGDDT ngày 05/10/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tin tập thể lãnh đạo đơn vị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Email – Điện thoại
1	Trần Ngọc Minh	Hiệu trưởng	tnminh.ht@hcm.edu.vn ĐT: 0918000892
2	Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Hiệu trưởng	nntuan.ht@hcm.edu.vn ĐT: 0937676017
3	Lê Thị Thanh Vân	Phó Hiệu trưởng	littvan.ht@hcm.edu.vn ĐT: 093 2580874

8. Các văn bản khác của nhà trường gồm kế hoạch chiến lược; quy chế dân chủ; Nghị quyết Hội đồng trường; quy định quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; các kế hoạch triển khai thực hiện công tác giáo dục đều được công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: thphanthuyen.hcm.edu.vn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng3	H2	H1	Tốt	Khá	T B	Kém
1	Giáo viên	69	1	14	54	/	/	/	66	3	/	69	/	/	/

1	Toán		/	3	9	/	/	/	11	1	/	12	/	/	/
STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng3	H2	H1	Tốt	Khá	T B	Kém
2	Vật Lý		/	3	5	/	/	/	8	/	/	8	/	/	/
3	Hóa học		/	/	5	/	/	/	5	/	/	5	/	/	/
4	Sinh học		/	2	2	/	/	/	3	1	/	4	/	/	/
5	Công nghệ		/	/	1	/	/	/	1	/	/	1	/	/	/
6	Tin học		/	2	3	/	/	/	5	/	/	5	/	/	/
7	Ngữ văn		1	1	8	/	/	/	10	/	/	10	/	/	/
8	Lịch sử		/	/	4	/	/	/	4	/	/	4	/	/	/
9	Địa lý		/	/	3	/	/	/	3	/	/	3	/	/	/
10	Tiếng Anh		/	1	8	/	/	/	8	1	/	9	/	/	/
11	GDCD /GDK TPL		/	1	2	/	/	/	3	/	/	3	/	/	/
12	GDTC -GDQP		/	1	4	/	/	/	5	/	/	5	/	/	/
II	Cán bộ quản lý		/	03		/	/	/			/		/	/	/
1	Hiệu trưởng		/	01	/	/	/	/	1		/	1	/	/	/

2	Phó hiệu trưởng		/	01	01	/	/	/	2		/	2	/	/	/
STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng 4	H3	H2	Tốt	Khá	T B	Kém
III	Nhân viên	18	/	/											
1	Nhân viên văn thư	00	/	/		/	/	/							
2	Nhân viên kế toán	02	/	/	01	/	01	/	01	01					
3	Thủ quỹ	00	/	/		/	/	/							
4	Nhân viên y tế	01	/	/	/	/	/	01	01						
5	Nhân viên thư viện	01	/	/	/		/	/	/	01					
6	Nhân viên thiết bị	01	/	/	01		/	/		01					
7	Nhân viên công nghệ thông tin, Giáo vụ	01	/	/		01	/	/							
									01						
9	Nhân viên bảo vệ	04	/	/	/	/		04							

10	Nhân viên phục vụ	03	/	/	/	/	/	03							
11	Nhân viên hỗ trợ, phục vụ	05	/	/	01	01	01	02							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	37	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	37	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	03	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	06	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	37	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	41 HS/lớp	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	7.235m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)		
VI	Tổng diện tích các phòng	3365 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	65 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	525 m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	120 m ²	



4	Diện tích phòng giáo dục rèn luyện thể chất (m^2)	75 m^2	
5	Diện tích phòng khác (....)(m^2)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	03	0.20
2	Khối lớp 11	04	0.20
STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
3	Khối lớp 12	03	0.20
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	110	11hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	37	
2	Cát xét	14	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu projector	8	
6	Hệ thống âm thanh lớp	37	
7	Hệ thống âm thanh sân trường	02	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	400 m^2	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	13	
XIII	Nhà vệ sinh	04 cái	Dùng cho giáo viên
		20 cái với tổng diện tích 240 m^2	Dùng cho học sinh
XIV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có nguồn nước máy của nhà máy.	
XV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Lưới điện Phú Nhuận	

XVI	Kết nối internet (ADSL)	Đường truyền cáp quang gồm 01line cho khu hành chính; 01 line cho thư viện và học tập; 01 line sân trường và 03 line cho 03 phòng vi tính
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	thpthanthuyen.hcm.edu.vn
XVIII	Tường rào xây	tường rào bao quanh khuôn viên trường

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã qua 02 lần đánh giá ngoài như sau:

Lần 1: đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo quyết định số 797/QĐ- GDĐT- KTKDCLGD ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Lần 2: đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo quyết định số 179-29/QĐ- SGDDT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả đánh giá ngoài được công khai tại địa chỉ:

<https://thpthanthuyen.hcm.edu.vn/kiem-dinh-giao-duc>

- Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng để khắc phục các hạn chế chưa đạt theo yêu ở cấp độ cao hơn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1573	618	532	423
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1311 83.34%	503 81.39%	426 80.08%	382 90.31%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	216 13.73%	94 15.21%	87 16.35%	35 8.27%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	45 2.86%	20 3.24%	19 3.57%	6 1.42%
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,06%	1 0,16%	0 0,00%	0 0,00%
II	Số học sinh chia theo học lực	1573	618	532	423

1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	315 20.03%	115 18.61%	102 19.17%	98 23.17%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	919 58.42%	360 58.25%	314 59.2%	245 57.92%
3	Trung bình/ Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	325 20.66%	136 22.01%	111 20.86%	78 18.44%
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	14 0.89%	7 1.13%	5 0.94%	2 0.47%
ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1573	618	532	423
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1561 99.24%	511 88.7%	527 99.06%	423 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	315 20.02%	115 18.6%	102 19.17%	98 23.2%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	242 15.38%			242 57.2%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	11 0.7%	6 0.98%	5 0.94%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.13%	2 0.32%		
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	5/41	1/10	4/27	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	30 1.91%	6 0.97%	13 2.44%	11 2.6%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	16	Sở GD không tổ chức thi	7	9

2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	423	0	0	423
ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	419	0	0	419
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	359	0	0	359
Điểm trung bình xét vào đại học của các khối			Số điểm - %		
1	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối A00		20,19		
2	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối A01		20,71		
3	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối B		19,38		
4	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối C		19,87		
5	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối D01		20,16		
6	Điểm trung bình xét tuyển đại học khối D07		20,79		
7	Điểm trung bình xét tuyển vào đại học từ 24 điểm trở lên ở các khối chiếm tỷ lệ		A00 (6,4), A01 (9,6), B (1,6), C (3,9), D01 (4,6), D07 (8,0)		
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	807/766	321/297	283/249	203/220
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	30	3	19	8

Nơi nhận:

- Toàn thể viên chức của đơn vị;
- Toàn thể cha mẹ học sinh;
- Website trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Minh